| | |
|---|---|
| 1. Trường: .....<br>2. Họ và tên: .....<br>3. Số báo danh: ..... 4. Lớp: ..... | 5. Kỳ kiểm tra: .....<br>6. Ngày: .....<br>7. Phòng: ..... |

| MÔN : ..... | Mã đề | Số phách | Giám thị 1 | Giám thị 2 |
|---|---|---|---|---|
| | ☐☐☐ | | | |

| Điểm bài kiểm tra | | Số phách |
|---|---|---|
| Viết bằng số | Viết bằng chữ | |
| Giám khảo 1 | Giám khảo 2 | Số tờ<br>..... tờ |

**Thí sinh lưu ý:** - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, tẩy xóa, không ghi đè lên các ô vuông đen để phần mềm chấm tự động, ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn.

- Dùng bút tô **đậm**, tô **kín** một ô tròn tương ứng với mã Đề kiểm tra, Số báo danh và Đáp án đúng cho từng câu trắc nghiệm.

Mã đề

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | |
| 0 | ○ | ○ | ○ |
| 1 | ○ | ○ | ○ |
| 2 | ○ | ○ | ○ |
| 3 | ○ | ○ | ○ |
| 4 | ○ | ○ | ○ |
| 5 | ○ | ○ | ○ |
| 6 | ○ | ○ | ○ |
| 7 | ○ | ○ | ○ |
| 8 | ○ | ○ | ○ |
| 9 | ○ | ○ | ○ |

Điểm trắc nghiệm:

..... đ

Điểm tự luận:

..... đ

PHẦN TRẮC NGHIỆM

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | A | B | C | D |
| 2 | A | B | C | D |
| 3 | A | B | C | D |
| 4 | A | B | C | D |
| 5 | A | B | C | D |
| 6 | A | B | C | D |
| 7 | A | B | C | D |
| 8 | A | B | C | D |
| 9 | A | B | C | D |
| 10 | A | B | C | D |
| 11 | A | B | C | D |
| 12 | A | B | C | D |
| 13 | A | B | C | D |
| 14 | A | B | C | D |
| 15 | A | B | C | D |
| 16 | A | B | C | D |
| 17 | A | B | C | D |
| 18 | A | B | C | D |
| 19 | A | B | C | D |
| 20 | A | B | C | D |

PHẦN TỰ LUẬN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO PHẦN KHUNG NÀY VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH, SẼ RỌC ĐI MẤT